**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 8. NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

**(Thơ song thất lục bát)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

- Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Phẩm chất**: Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**III. Tiến trình dạy học**

**PHẦN TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

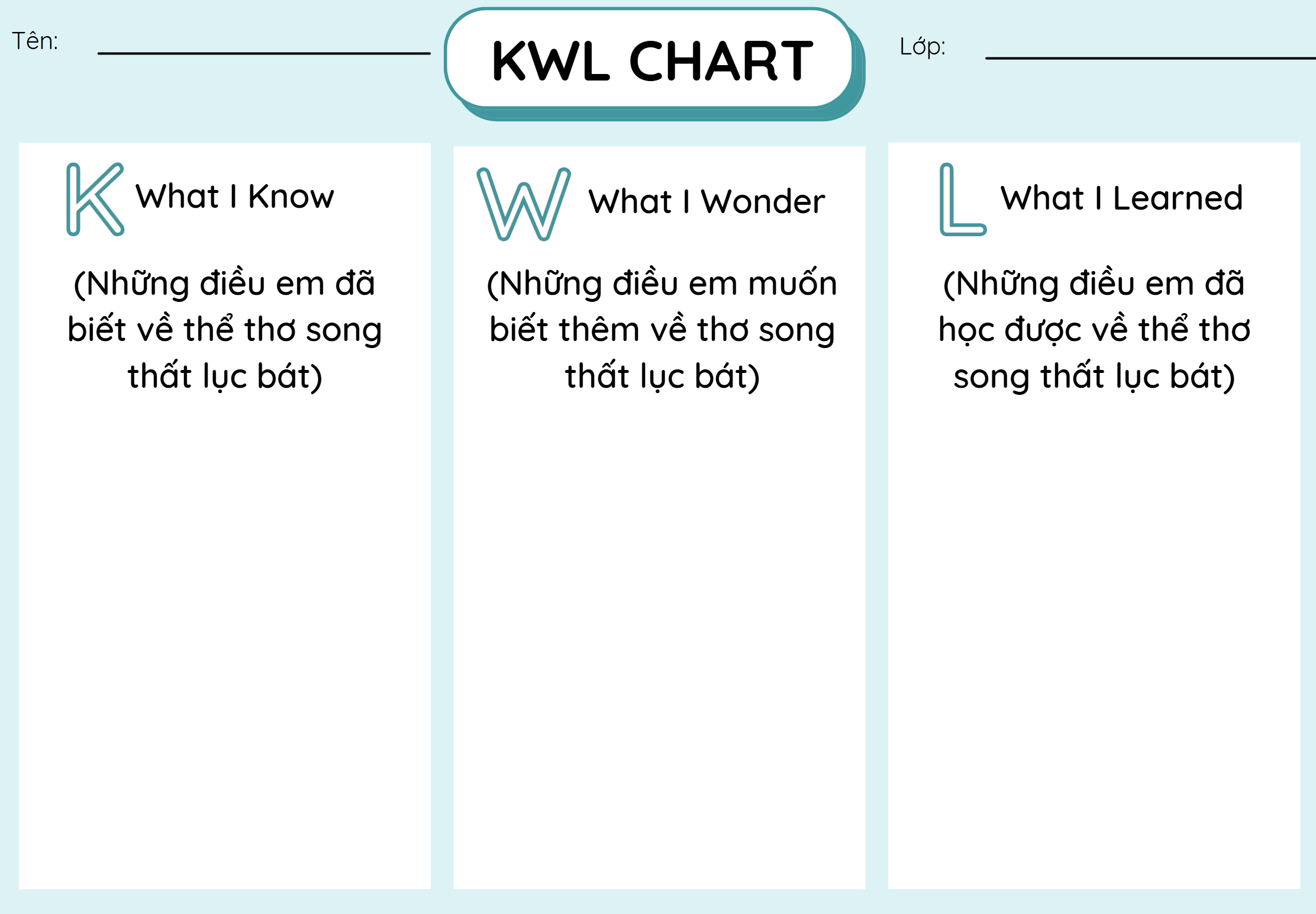
**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

**b. Nội dung**: GV cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Cách 1. GV áp dụng kĩ thuật KWL**



**Cách 2:** GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động: Bản đồ Tâm trạng. Trên bản đồ, có nhiều địa điểm đã ghi tên những loại cảm xúc khác nhau, yêu cầu HS viết/dán tên của mình vào vùng cảm xúc tương ứng (nếu đang cảm thấy hạnh phúc, HS sẽ dán/viết tên của mình vào vùng “Hạnh phúc”). Sau đó, GV lựa chọn 1 vài HS yêu cầu HS nêu lý do tại sao lại lại có cảm xúc, tâm trạng như vậy và làm thế nào để HS có thể đối phó với cảm xúc, tâm trạng ấy của mình.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Từ “Bản đồ tâm trạng”, chúng ta thấy rõ rằng cuộc sống là sự đan xen của muôn vàn cung bậc cảm xúc. Chính sự đa dạng ấy đã làm cho cuộc sống trở nên phong phú và đáng sống hơn. Mỗi cảm xúc mà chúng ta trải qua, dù là hạnh phúc hay khó khăn, đều là những trải nghiệm quý báu, giúp chúng ta hiểu hơn về bản thân và thế giới xung quanh. Những cung bậc tâm trạng ấy có thể được gửi gắm vào thơ, để lại cho người đọc nhiều xúc cảm và suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống. Để khám phá về những cảm xúc này, chúng ta sẽ bước vào một hành trình mới qua những tác phẩm văn học độc đáo – những bài thơ thuộc thể thơ song thất lục bát. Với sự kết hợp nhịp nhàng giữa câu song thất và lục bát, thể thơ này không chỉ mang đến âm điệu du dương, mà còn là công cụ tuyệt vời để biểu đạt những cung bậc tâm trạng sâu lắng.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được tri thức về thể thơ song thất lục bát

**b. Nội dung**: GV cho HS làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động BÁO CÁO SẢN PHẨM**    GV yêu cầu HS xác định số câu, số chữ trong từng câu, so sánh với thể thơ lục bát.  *…Ăn gan ấy mới hầu thỏa dạ,*  *Uống huyết kia mới hả giận này.*  *Ví dù gan nát, óc lầy,*  *Cho rằng da ngựa bọc thây cũng đành…*  (Phan Kế Bính, bản dịch *Dụ chư tì tướng hịch văn*)  **Biến thể**  *Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc*  *Phèng la kêu, trống giục vang đồng*  *Đường quê đỏ rực cờ hồng*  *Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời*  *Quyết một trận, quét đời nô lệ*  *Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!*  *Hỡi ôi! Việc chửa thành công*  *Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang*  *Giặc lùng, giặc đốt xóm làng*  *Xác xơ cây cr, tan hoang cửa nhà*  *Một vùng trắng bãi tha ma*  *Lặng im không một tiếng gà gáy trưa.*  (Tố Hữu, *Bà má Hậu Giang*)  - Tương tự thể lục bát, song thất lục bát cũng có hiện tượng biến thể; có khi bài thơ mở đầu bằng cặp lục bát chứ không phải cặp song thất; có khi một số cặp lục bát liền nhau sau đó mới có cặp song thất; có khi số chữ của các câu thơ không theo quy định.  - Ví dụ bài thơ “Bà má Hậu Giang” của Tố Hữu  - Thể thơ song thất lục bát có hiện tượng biến thể. Có những đoạn các cặp lục bát liền nhau mà không đan xen từng cặp câu song thất với từng cặp câu lục bát  **GV áp dụng kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN**    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **1. Khái niệm**  - Thơ song thất lục bát là thể thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.  - Có thể được chia khổ hoặc không, số câu thơ trong mỗi khổ cũng không cố định.  **2. Đặc điểm thi luật**  **Về vần**  - Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ 5 của dòng thất tiếp theo (vần trắc).  - Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của dòng bát (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ 5 của dòng thất kế đó (vần bằng).    Ví dụ phân tích gieo vần trong bài thơ “Chinh phụ ngâm” (Đặng Trần Côn)    Ví dụ phân tích gieo vần trong bài thơ “Tiếng đàn mưa” (Bích Khê)    **Về thanh điệu**  - Cặp song thất lấy tiếng thứ ở vị trí thức 3 làm chuẩn, có thể là thanh B hoặc thanh T không bắt buộc.  - Cặp lục bát, tuân thủ theo sự đối xứng B-T theo quy định  **Về ngắt nhịp**  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn  + dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2  + dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2  - Một số câu thơ có thể đọc theo những cách ngắt nhịp khác nhau, mỗi cách ngắt nhịp tạo ra một nghĩa, giúp người đọc có được sự đa dạng trong cảm thụ.  **3. Sự khác biệt giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thơ lục bát** | **Thơ song thất lục bát** | | **Số chữ, số dòng** | Một cặp lục bát gồm một dòng lục và một dòng bát. | Mỗi khổ thơ bốn dòng được cấu trúc bằng hai dòng thất kết nối với hai dòng lục bát. | | **Vần** | Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó, tiếng thứ tám của dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo. | Hiệp vần ở mỗi cặp, cặp song thất có vần trắc, cặp lục bát có vần bằng; giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền. | | **Nhịp** | Thường ngắt nhịp chẵn, ví dụ: 2/2/2, 2/4/2,… | Thường ngắt nhịp 3/4 ở hai dòng thất, 2/2/2 và 2/2/2/2 ở cặp lục bát. | | **Hài thanh** | Các tiếng ở vị trí 1,3,5,7 có thể phối thanh tự do. Riêng tiếng ở vị trí 2,4,6,8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định: Tiếng thứ hai là thanh bằng; tiếng thứ tư là thanh trắc; riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ sáu là thanh bằng (ngang) thì tiếng thứ tám phải là thanh bằng (huyền) và ngược lại. | Cặp song thất lấy tiếng ở vị trí thứ ba làm chuẩn, có thể có thanh bằng hoặc thanh trắc nhưng không bắt buộc. Cặp lục bát thì sự đối xứng bằng - trắc chặt chẽ hơn (giống như thơ lục bát). | |

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết.....: Văn bản 1**

**Nỗi nhớ thương của người chinh phụ**

*Nguyên tác chữ Hán: ĐẶNG TRẦN CÔN*

*Bản diễn Nôm: Phan Huy Ích*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:** Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi gợi dẫn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1**: GV chuẩn bị một bộ thẻ ghi tên các cuộc chiến đã diễn ra trong thế kỷ XVII - Một thời kì tao loạn của lịch sử - yếu tố quan trọng quyết định sự ra đời của các tác phẩm viết về đề tài chiến tranh, trong đó có miêu tả các nạn nhân của chiến tranh.

(Trịnh – Nguyễn phân tranh, khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng, khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương, khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Hoàng Công Chất). Yêu cầu mỗi nhóm chọn một cuộc chiến và trình bày những thông tin và ý nghĩa của cuộc chiến đó.

+ Trịnh – Nguyễn phân tranh: phân chia lãnh thổ giữa chế độ “vua Lê chúa Trịnh” ở phía bắc sông Giang (Đàng Ngoài) và chúa Nguyễn cai trị ở phía nam (Đàng Trong), mở đầu khi Trịnh Tráng đem quân đánh Nguyễn Phúc Nguyên năm 1627 và kết thúc vào năm 1777 khi chúa Nguyễn sụp đổ.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng (1737) ở Sơn Tây.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương (1740 – 1751) ở khu vực nay thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 – 1751) xuất phát từ Đồ Sơn (Hải Phòng), di chuyển lên Kinh Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh), uy hiếp kinh thành Thăng Long rồi xuống Sơn Nam, vào Thanh Hóa, Nghệ An.

+ Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 – 1769) trên địa bàn trấn Sơn Nam.

NV2: Theo em, những cuộc tiễn đưa trong chiến tranh có gì khác biệt so với tiễn đưa trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống?

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Mỗi cuộc chia li đều chứa đựng trong đó biết bao khoảng lặng: sự buồn bã, cảm giác lưu luyến, hay thương cảm… Chẳng ai mong muốn trong cuộc sống của mình phải diễn ra những giây phút chia li đó. Nhân vật trong bài học của chúng ta ngày hôm nay cũng vậy, đau buồn hơn, cuộc chia li của cô gái đó không hẹn trước ngày gặp lại, cũng có khả năng không thể gặp lại. Vậy hồi kết của câu chuyện đó như thế nào, cô gái đó là ai, tại sao cuộc chia li lại xảy ra, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS đọc văn bản và hướng dẫn HS giải thích một số từ ngữ khó qua hoạt động Ghi chú từ vựng**  - Viết vào sổ tay hoặc giấy ghi chú những từ ngữ khó khi đọc văn bản.  - Sau đó, chia sẻ với cả lớp những từ ngữ khó đó và cùng nhau giải thích.  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Đặng Trần Côn và Phan Huy Ích  + Hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác, thể loại, xuất xứ….của tác phẩm “Chinh phụ ngâm” và vị trí của đoạn trích “Nỗi nhớ thương của người chinh phụ”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  a. Đọc  - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, giọng đọc trầm buồn, lắng đọng và thể hiện nỗi niềm xót xa,…  - Chú ý sử dụng các chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *suy luận, tưởng tượng*  b. Chú thích  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **Đặng Trần Côn**  - Sống khoảng thế kỉ XVIII  - Quê: làng Mọc (làng Nhân Mục), nay thuộc Hà Nội.  - Ông đỗ hương cống, làm quan tới chức Ngự sử đài chiếu khám.  - Tác phẩm của ông chú trọng thể hiện tình cảm riêng tư, nỗi niềm trắc ẩn của con người  - Sáng tác tiêu biểu: *“Chinh phụ ngâm khúc”, “Tiêu tương bát cảnh”, ba bài phú “Trương Hàn thuần lô, Trương Lương bố ý, Khấu môn thanh,…*  **Phan Huy Ích**  - Phan Huy Ích (1750- 1822)  - Quê: Hà Tĩnh  - Làm quan dưới thời Chúa Trịnh- Vua Lê  - Là một trong những người dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn.  **b. Tác phẩm**  **\* Tác phẩm “Chinh phụ ngâm”**  - Hoàn cảnh sáng tác: Theo sử liệu, vào đời vua Lê Hiển Tông có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra nên triều đình phải cất quân đi đánh dẹp, nhiều trai tráng giã từ gia đình để ra trận. Xúc động trước nỗi đau của người vợ có chồng đi chinh chiến, Đặng Trần Côn đã viết nên tác phẩm này.  - Nhan đề: “Chinh phụ ngâm”/ “Chinh phụ ngâm khúc”: Khúc ngâm của người phụ nữ có chồng ra trận.  - Nội dung  + Kể về tâm trạng, hoàn cảnh của người thiếu phụ có chồng đi đánh giặc xa chưa về  + Thể hiện sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  + Nỗi khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.  - Thể loại: Ngâm/ngâm khúc  - Thể thơ:  **+ Nguyên tác chữ Hán**: thể **trường đoản cú**  **+ Bản dịch Nôm:** thể **song thất lục bát**  - Dung lượng  **+ Nguyên tác chữ Hán**: 478 câu thơ  **+ Bản dịch Nôm:** 408 câu thơ  **\* Đoạn trích “Nỗi niềm chinh phụ”**  **- Vị trí**: gồm 28 câu thơ (Từ câu 125 đến câu 152) |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được

+ Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích

+ Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT

+ Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích

+ Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động CHECK THỂ THƠ, yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn và hoàn thành PHT**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS chia nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích**  \* Số chữ, số dòng trong một khổ thơ  - VB có 7 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng)  \* Vần: Hiệp vần ở mỗi cặp, cặp song thất có vần trắc (liễu - nẻo), cặp lục bát có vần bằng (già - nhà); giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền (ca - già).  Ví dụ:  *Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu (T),*  *Hỏi ngày về ước nẻo (T) quyên ca (B).*  *Nay quyên đã giục oanh già (B),*  *Ý nhi lại gáy trước nhà (B) líu lo (B).*  *Thuở đăng đồ mai chưa (B) dạn gió,*  \* Nhịp  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  Thuở lâm hành/ oanh chưa bén liễu,  Hỏi ngày về/ ước nẻo quyên ca.  Nay quyên/ đã giục/ oanh già,  Ý nhi/ lại gáy/ trước nhà/ líu lo.  **🡪 Bài thơ tuân thủ thi luật của thể thơ Song thất lục bát.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động GỌI TÊN CẢM XÚC**  **+ Nhóm 1,2:** dòng thơ 125-140  Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh cho biết lời hẹn lúc ra đi của người chinh phụ và hoàn cảnh thực tế thông qua lời của người chinh phụ  Theo em, các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?    **+ Nhóm 3,4**: dòng thơ 141-152  Tâm trạng của người chinh phụ từ dòng 141 đến dòng 152 có gì khác so với đoạn trước đó? Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả tâm trạng trong đoạn này.    **THẢO LUẬN NHANH: Sự lặp lại có tính quy luật 7 – 7 – 6 – 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc) trong văn bản có tác dụng gì trong việc biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của người chinh phụ?**  - Sự lặp lại có tính quy luật 7 – 7 – 6 – 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ (*rêu xanh, bóng dương*,…) và điệp cấu trúc (*Thuở lâm hành…, Thuở đăng đồ…, Hỏi ngày về…, Hẹn cùng ta…, Hẹn nơi nao…, Xót người…,...)*  - Tác dụng:  + Góp phần tô đậm nỗi nhớ thương, mong ngóng chồng của người chinh phụ  + Nỗi thất vọng, đau đớn vì sự sai hẹn của chồng so với buổi ra đi  + Sự trách móc “mười hẹn chín thường đơn sai” pha lẫn xót thương cho người “lần lữa ải xa, nương chốn Hoàng Hoa dặm dài”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chia nhóm thảo luận, lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT**  **\* Dòng thơ 125 - 140**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** | | **Ngày gặp gỡ** | - Oanh chưa bén liễu  - Mai chưa dạn gió | - Oanh già, ý nhi gáy trước nhà  - Tuyết mai trắng bãi, … | | **Nơi gặp gỡ** | - Lũng Tây Nham  - Hán Dương cầu | - Lá rụng cành trâm  - Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông | | **Nhận xét** | - Sử dụng hình ảnh ước lệ  🡪 Lời hẹn cụ thể, gây mong đợi | 🡪 Hoàn cảnh thực tế hoàn toàn sai biệt: lỗi hẹn cả về thời gian và không gian. | | **Tâm trạng** | **🡪 Nỗi thất vọng, đau khổ**  **🡪 Nỗi nhớ thương, mong ngóng, ngóng trông mòn mỏi, tuyệt vọng.** | |   **\* Dòng thơ 141 - 152**  **Hoàn cảnh**  - Tin thường lại >< người không lại  - Thư thường tới >< người chưa tới  - Lời mười hẹn >< chín thường đơn sai  **Thời gian**: Hoa dương tàn trải rêu xanh, rêu mấy lớp, bóng dương, tiền sen đã nảy là ba  🡪 Thời gian rất dài, rất lâu  **Địa điểm**: Ải xa, Hoàng Hoa  **Nghệ thuật**  - Từ ngữ, hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng  - Cách gieo vần, ngắt nhịp, nghệ thuật đối của thể thơ song thất lục bát  - Phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc)  **Tâm trạng**: **“Xót người, ngẩn ngơ”**  🡪 **Mong ngóng, đợi chờ xen lẫn trách hờn, xót xa** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Xác định bố cục và mạch cảm xúc của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 125 đến dòng 140) | Nỗi thất vọng của người chinh phụ vì sự sai hẹn của người chồng từ buổi ra đi (sai hẹn cả thời gian gặp gỡ và địa điểm gặp gỡ) | | Phần 2 (từ dòng 141 đến dòng 152) | Nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn trách hờn của người chinh phụ dành cho chồng | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản. Chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Một số căn cứ để xác định chủ đề:  + Nhan đề: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ.*  + Hình ảnh: thiên nhiên và thời gian gắn liền với cảm xúc của người chinh phụ, phản ánh nỗi nhớ và tâm trạng cô đơn.  + Từ ngữ: *“hẹn”, “chờ”, “người không thấy”,…*làm nổi bật chủ đề nỗi nhớ thương, chờ mong.  + Tâm trạng nhân vật: diễn ra theo mạch cảm xúc từ nỗi nhớ, lo lắng đến khao khát được đoàn tụ.  + Văn bản thể hiện thông điệp gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **4. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích**  - **Chủ đề**: Nỗi nhớ thương của người chinh phụ đối với người chồng đi chinh chiến nơi ải xa.  **- Cảm hứng chủ đạo:**  + Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa  + Lên tiếng phê phán chiến tranh.  **- Thông điệp:**  **+** Chiến tranh luôn thù nghịch với hạnh phúc, tình yêu  + Hãy thông cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ  + Cảm thông với nỗi đau thương, bất hạnh của con người trong chiến tranh. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ song thất lục bát độc đáo  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình.  - Biện pháp tu từ được kết hợp nhuần nhuyễn.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu sức gợi.  **2. Nội dung**  Đoạn trích thể hiện tâm trạng và nỗi niềm của người chinh phụ trong hoàn cảnh chia li, qua đó phản ánh những mất mát do chiến tranh gây ra. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi GIẢI MẬT THƯ**

**1. Câu thơ "Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai" có ý nghĩa gì?**

A. Lời hứa thường được thực hiện

**B. Lời hứa thường bị thất hẹn**

C. Lời hứa luôn đúng hẹn

D. Lời hứa không đáng tin cậy

**2. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản.**

A. Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa

B. Lên tiếng phê phán chiến tranh.

**C. Cả A và B đều đúng**

D. Cả A và B đều sai

**3. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:** Mạch cảm xúc trong phần 2 đoạn trích là nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn … của người chinh phụ dành cho chồng

**A. Trách hờn**

B. Chờ đợi

C. Hi vọng

D. Đau đớn

**4. Dòng nào dưới đây nhận xét không đúng về *Chinh phụ ngâm* ?**

A. Cảm động trước nỗi đau của con người, nhất là của những người vợ lính trong chiến tranh là động lực để Đặng Trần Côn viết nên khúc ngâm xuất sắc này.

B. Khúc ngâm nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

C. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

**D. Khúc ngâm được viết theo thể thơ lục bát.**

**5. Đoạn trích Nỗi nhớ thương của người chinh phụ của Phan Huy Ích được viết theo thể thơ nào?**

A. Thất ngôn bát cú Đường luật

B. Lục bát

**C. Song thất lục bát**

D. Lục bát biến thể

**6. Hãy chọn một câu thơ/ hình ảnh/từ ngữ mà em yêu thích. Giải thích lí do**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV nêu nhiệm vụ:** Trong văn bản trên, người chinh phụ đã bộc lộ nỗi nhớ thương của mình đối với người chồng đi chinh chiến. Hãy sáng tạo một sản phẩm (có thể viết/ vẽ,…) để bày tỏ tình cảm dành cho người mà em yêu quý.



**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**